

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 34

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 693/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; phát huy giá trị văn hóa, con người và nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng đối ngoại, củng cố quốc phòng, an ninh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

*** Về kinh tế:** (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân từ 10% trở lên; (2) Cơ cấu GRDP đến năm 2030: công nghiệp - xây dựng chiếm 51%, dịch vụ chiếm 40%, nông nghiệp chiếm 9%; (3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 168 triệu đồng; (4) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 80 triệu đồng; (5) Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030 đạt 29%; (6) Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 đạt 112 triệu đồng; (7) Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2030 đạt 4 tỷ đô la Mỹ (USD); (8) Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10%; (9) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn cả giai đoạn đạt 320.000 tỷ đồng; (10) Phân đầu đến năm 2030 có 18.000-20.000 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế; (11) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt 15-20%; (12) Xếp hạng hoạt

động chính quyền số đến năm 2030 thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; (13) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 38%.

*** Về xã hội, môi trường:** (14) Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 phấn đấu đạt 0,76; (15) Đến năm 2030 có trên 90% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; trên 80% trường trung học phổ thông công lập và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia; (16) Đến năm 2030 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; (17) Đến năm 2030 có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; (18) Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần; (19) Đến năm 2027 có ít nhất 04 bác sỹ/trạm y tế; (20) Đến năm 2030 có ít nhất 14,6 bác sỹ và 45 giường bệnh trên 1 vạn dân; (21) Đến năm 2030 đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 36,2%; (22) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đến năm 2030 đạt 85%; (23) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân 0,5%/năm; (24) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đến năm 2030 đạt 80%; (25) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 52%; (26) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 98%.

*** Về quốc phòng, an ninh:** (27) Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự đến năm 2030 đạt 95%, cơ sở vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh trong tình hình mới đến năm 2030 đạt 97%; (28) Tỷ lệ xã, phường không ma túy đến năm 2030 tối thiểu đạt 50%.

Điều 2. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Thúc đẩy ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Tập trung cụ thể hóa nhiệm vụ tăng trưởng xanh và "hậu thép"; xây dựng lộ trình và giám sát chặt chẽ việc chuyển đổi công nghệ, giảm thiểu khí thải, chuyển đổi sang điện khí (LNG) và năng lượng tái tạo đối với các dự án lớn tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Xây dựng các đề án, dự án cụ thể với các chỉ tiêu định lượng (tỷ lệ tái chế, tái sử dụng) để hiện thực hóa mô hình kinh tế tuần hoàn.

Phát triển các ngành công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghiệp hỗ trợ sau thép, dịch vụ cảng biển và logistics; thu hút đầu tư các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tập trung, chuyên canh, hàng hóa quy mô lớn, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao gắn với tập trung tích tụ ruộng đất; phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, thông minh. Tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp. Phát triển kinh tế biển, dịch vụ cảng biển trở thành trụ cột quan

trọng; nâng cao chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực. Phát triển du lịch theo hướng tạo ra giá trị cạnh tranh khác biệt, trên cơ sở khai thác tổng hợp tài nguyên văn hóa, thiên nhiên, con người Hà Tĩnh. Hình thành các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, du lịch biển, sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn, văn hóa, tín ngưỡng mang bản sắc mỗi địa phương và các di sản, danh nhân được UNESCO ghi danh.

2. Nâng cao chất lượng công tác lập và quản lý quy hoạch; chú trọng liên kết vùng, tối ưu hóa không gian phát triển theo hướng “một trung tâm động lực”, “ba hành lang kinh tế”, “bốn ngành trọng điểm”, “ba vùng đô thị”, quan tâm phát triển kinh tế biển. Mở rộng, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng thành khu kinh tế đa chức năng, trung tâm công nghiệp - logistics của khu vực và cả nước; đề xuất thành lập Khu thương mại tự do Vũng Áng.

Nghiên cứu quy hoạch và phát triển các nút giao tuyến cao tốc Bắc - Nam (đoạn Bãi Vọt, Hàm Nghi) thành các khu dịch vụ logistics, kho bãi, trung tâm trung chuyển hàng hóa.

Ưu tiên nguồn lực đất đai và vốn môi để hiện thực hóa Trung tâm logistics Vũng Áng (hạng I) và Trung tâm logistics Đức Thọ, đảm bảo kết nối luồng hàng từ Lào và Đông Bắc Thái Lan.

3. Tập trung phát triển các thành phần kinh tế, trong đó xác định kinh tế tư nhân là động lực quan trọng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, khởi nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Ưu tiên quỹ đất tại các khu, cụm công nghiệp cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Hình thành một số doanh nghiệp lớn có vai trò dẫn dắt. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI.

4. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung các giải pháp quản lý thu ngân sách bền vững; tăng tỷ trọng thu nội địa; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Ưu tiên bổ sung nguồn vốn cho Quỹ phát triển đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư. Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng tập trung, đột phá. Tăng cường phân cấp gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý đầu tư công; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn tập trung, hiệu quả. Khai thác tối đa nguồn lực đất đai; thúc đẩy hợp tác công - tư; nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư các dự án lớn, công nghệ cao.

5. Tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các trung tâm logistics, hệ thống bến cảng Vũng Áng - Sơn Dương. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối với hệ thống giao thông quốc gia, Khu kinh tế Vũng Áng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ ven biển. Chủ động phối hợp với Trung ương đẩy nhanh tiến độ các công trình giao thông trọng điểm như đường sắt cao tốc Bắc - Nam, đường sắt Viêng Chăn - Vũng Áng, đường cao tốc Vũng Áng - Cha Lo. Phát triển các đô thị trung tâm gắn với ba hành lang kinh tế, xây dựng hạ tầng khu vực ga

đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam theo mô hình TOD. Thu hút đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời và điện khí LNG theo Quy hoạch điện VIII để thay thế dần nhiệt điện than. Quan tâm đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, an sinh xã hội. Phát triển hạ tầng thủy lợi đa mục tiêu, gắn với phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Chủ động xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường, đặc biệt là nguồn nước và môi trường biển; kiểm soát chặt nguồn thải tại khu kinh tế, khu công nghiệp. Tiếp tục phối hợp xử lý dứt điểm các nội dung liên quan Dự án mỏ sắt Thạch Khê, triển khai các giải pháp chuyển đổi mô hình kinh tế, giải phóng nguồn lực đất đai và ổn định đời sống Nhân dân vùng ảnh hưởng.

Phát triển rừng bền vững; rà soát diện tích rừng đủ điều kiện và xây dựng Đề án thí điểm thương mại hóa tín chỉ carbon rừng, chuẩn bị tham gia thị trường carbon. Phát triển hệ thống thu gom, xử lý chất thải hiện đại, tăng tái chế, giảm phát thải.

7. Đột phá ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên các lĩnh vực. Thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ưu tiên nguồn lực thực hiện chuyển đổi số. Hoàn thành 100% khung kiến trúc chính quyền số Hà Tĩnh phiên bản 4.0 trước năm 2027; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80%. Xây dựng Tổ hợp công nghiệp công nghệ cao và đổi mới sáng tạo (Hà Tĩnh Innovation Park). Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên và người dân. Thực hiện tốt phong trào “Bình dân học vụ số”, “Học tập số”, phát huy vai trò Tổ chuyển đổi số cộng đồng.

8. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đổi mới đồng bộ, toàn diện và tạo đột phá trong phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai các giải pháp mang tính đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Thực hiện tốt chính sách với người có công, các đối tượng chính sách; giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

9. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành theo hướng bám sát nguyên tắc, linh hoạt trong xử lý, thực chất, sát thực tiễn. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ, gắn trách nhiệm người đứng đầu. Thực hiện phân cấp hợp

lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc và tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa nền hành chính; nâng cao chất lượng trung tâm hành chính công các cấp, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

10. Quán triệt, triển khai đồng bộ các chủ trương, nghị quyết, chiến lược về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng khu vực phòng thủ, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và thể trận lòng dân vững chắc. Kiên quyết đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, xuyên quốc gia, có tổ chức, có vũ trang. Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Thúc đẩy triển khai hiệu quả các Hiệp định, Nghị định thư giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào về hợp tác đầu tư phát triển Bến cảng Vũng Áng 1, 2, 3, dự án đường sắt Viêng Chăn - Vũng Áng, cao tốc Vũng Áng - Cha Lo. Tích cực vận động nguồn vốn ODA, NGO phục vụ đầu tư hạ tầng, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB-TH, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HD, TH, TH₃

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh